

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 26/7/2019  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Ông Phạm Thanh Diễm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Đăng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:139/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Ông Trần Thanh L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông L vắng mặt, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019, bản khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Thanh L tự nguyện ký kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/11/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm dẫn đến nảy sinh mâu thuẫn, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, gia đình bất hòa. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông L đã ly thân nay 4 năm. Trải qua thời gian ly thân, bà và ông L mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu nhau nên bà xin được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà và ông L không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà Thiềm có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L và bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh L chung sống và có đăng ký tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/11/2009. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau và thời gian ly thân nay đã 4 năm, hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn thương yêu nhau. Đối với ông L thì từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông về việc đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông đều không đến. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L, không tiến hành hòa giải để động viên bà T và ông L đoàn tụ, hạn chế hạnh phúc gia đình được. Đồng thời qua đó cũng thấy được ông L không thể hiện thái độ tích cực khi vắng mặt trong các buổi hòa giải đoàn tụ. Hơn nữa, trong thời gian ly thân 4 năm qua, bà T và ông L cũng không tự hạn chế được hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, tại Điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Bà T khai giữa bà và ông L không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai bà và ông L không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Thanh L.

Về con chung: Bà T khai giữa bà và ông L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai bà và ông L không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm

ngàn) đồng theo biên lai số 0002204 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã C,  
huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Ngô Thị Gấm**







